

# CƠ CẤU TỔ CHỨC, SINH HOẠT THEO GIÁO XỨ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO DI CƯ NĂM 1954 TẠI NAM BỘ

(Nghiên cứu trường hợp Hồ Nai, Đông Nai và Cái Sắn, Cần Thơ)

NGUYỄN ĐỨC LỘC<sup>(\*)</sup>

**T**ừ những kết quả nghiên cứu *người Việt Nam theo Công giáo di cư vào Nam năm 1954* và hướng nghiên cứu tập trung tại vùng Công giáo di cư Hồ Nai, Đông Nai, chúng tôi nhận thấy có một quá trình tái sản xuất cấu trúc làng xã tại Hồ Nai. Tư liệu chính cho bài viết này là kết quả của quá trình điền dã Dân tộc học của chúng tôi tại hai địa bàn Hồ Nai ở Đông Nam Bộ và Cái Sắn ở Tây Nam Bộ. Hai địa bàn này đều là người Công giáo gốc Bắc Bộ di cư vào Nam Bộ từ năm 1954, tụ cư theo giáo xứ, có ý thức giữ gìn tập tục “*quê cha, đất tổ*”. Trong bài viết này, tôi chọn hướng nghiên cứu so sánh giữa hai cộng đồng có cùng chung đặc điểm xuất cư từ đồng bằng Bắc Bộ nhưng lại định cư ở hai vùng có môi trường cảnh quan sinh thái tương đối khác nhau ở Nam Bộ.

## 1. Sơ lược về quá trình hình thành hai cộng đồng Công giáo di cư, Hồ Nai và Cái Sắn.

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Genève được kí kết. Việt Nam chia thành 2 Miền Nam, Bắc, với hai chế độ chính trị khác nhau. Sự chia cắt này dẫn đến cuộc di cư lớn của người Công giáo từ Miền Bắc vào Miền Nam năm 1954. Cuộc di cư này là sự lựa chọn giữa niềm tin và quê hương. Theo sổ chép tay của một người dân ở

ấp Lộ Đức, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đông Nai:

Đến ngày 18 tháng 5 năm 1955, giai đoạn di cư có thể coi là chấm dứt. Tổng cộng số đồng bào di cư vào Nam Bộ đến ngày 30/6/1955 là 810.000 người, với các phương tiện di chuyển: bằng tàu thủy: 534.761; bằng máy bay: 213.657 và bằng phương tiện riêng: 61.582. Trong đó có 154 người là binh sĩ và gia đình binh sĩ<sup>(1)</sup>.

Theo kết quả tổng kết của Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn tính đến tháng 11 năm 1955 như sau: Đến ngày 31 tháng 12 năm 1955 dân số đồng bào di cư tiếp tục tăng lên đến mức 887.861 người. Trong đó, dân số định cư tại Biên Hòa là: 130.280 người. Như vậy, đến cuối tháng 12 năm 1955, việc định cư đã tạm ổn với 600.177 đồng bào tị nạn trong số 887.861 người<sup>(2)</sup>. Về phân loại các trại định cư thì có các trại như: trại đồng bào thiếu số, trại ngư nghiệp, trại tiểu công nghệ (Hòa Bình, Thanh Hóa), còn

\*. ThS., Khoa Nhân học, Đại học Khảo học xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

1. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Hồ sơ số 4042, Hồ sơ về hoạt động của Phủ Tổng ủy Di cư tị nạn năm 1955

2. Trong số 887.861 người (nghĩa là trừ 125.393 binh sĩ và gia đình do Bộ Quốc phòng (Pháp) đảm nhiệm, còn 762.408 người do Phủ Tổng ủy phụ trách thì hơn 80% đã được định cư trong các trại chính thức, còn gần 20% là đồng bào đã tự động định cư và còn 734 người tạm trú trong các trại tiếp cư.

các trại khác phần nhiều là trại nông nghiệp trừ một số ít trại hỗn hợp.

Như vậy, từ giữa năm 1954 đến 1956, trên một triệu người đã di cư từ Bắc vào Nam, trong đó có khoảng 800.000 người Công giáo, khoảng 2/3 số người Công giáo ở Miền Bắc. Trong đó, giai đoạn đầu, một bộ phận giáo dân khá lớn đến cư trú tại Hồ Nai, nhưng do điều kiện đất đai chật hẹp, đồng thời điều kiện tự nhiên không thích hợp với nghề nông của các nhóm cư dân Bắc Bộ này nên đến năm 1956, một lượng lớn giáo dân từ vùng Hồ Nai, Biên Hòa và một vài nơi tại Sài Gòn di chuyển về vùng Dinh điền Cái Sắn, Gia Kiệm để định cư.

Theo mô tả của một số sách báo đương thời và qua lời kể của những người dân địa phương trước năm 1954, vùng đất Hồ Nai rất hoang vắng, cây cối um tùm, khí hậu nóng bức nên nhiều người di cư từ Bắc vào đây do không quen khí hậu đã sinh bệnh tật, ốm đau, nhất là trẻ con. Nhiều người nhớ quê hương cộng đồng, nhớ cuộc sống thanh bình mà ôm con khóc thầm và cắn răng chịu đựng.

Đối với vùng Cái Sắn, theo các vị cao niên thì còn bao gồm cả vùng Sóc Trăng, ngã bảy Phụng Hiệp. Sau năm 1954, một bộ phận khá đông những người Công giáo Miền Bắc di cư vào Nam. Lúc đầu họ định cư ở Sài Gòn, Hồ Nai (Đồng Nai). Đến năm 1956, Ngô Đình Diệm tổ chức cho những người nông dân vốn quen với cuộc sống ruộng đồng, thích làm ruộng thì di Miền Tây. Người ta lấy kênh Tân Hiệp làm mốc để đặt tên tiếp theo cho các kênh: kênh Tân Hiệp đến kênh A, B, C, D... Mỗi hộ được nhận khoảng 3ha đất để ở và trồng trọt. Ruộng được cấp ngay sau nhà, đây chính là tập quán "liên canh liên cư". *Khi đi họ cũng không quên mang theo hành trang văn hóa truyền thống.* Tương tự, tác giả Trần Hữu Hợp

có nhắc đến trong luận văn cao học khi nghiên cứu cộng đồng cư dân Cái Sắn cho rằng: thời kì trước khi lập dinh điền năm 1956, dân cư còn thưa thớt, sống thành từng xóm dọc theo liên tỉnh lộ 8 và hai bên bờ kênh Rạch Sỏi, Hậu Giang. Đất trong vùng đa số đã được nông dân khai phá hoặc do địa chủ chiếm hữu, phát canh thu tô. Nhưng do hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh và ảnh hưởng của chiến tranh nên nhiều khu đất bị bỏ hoang. Do đất rộng, người thưa, đồng ruộng, nên bà con sạ lúa mùa nổi. Một vài chợ nhỏ đã hình thành dọc theo trục lộ Cái Sắn.

Nhìn chung, Hồ Nai và Cái Sắn trước khi người Công giáo di cư từ Miền Bắc đến, một phần diện tích bị bỏ hoang, dân cư thưa thớt. Mặc dù đây là vùng đất giàu tiềm năng, nhưng cũng nhiều khó khăn, trở ngại cho công cuộc định cư và sinh sống của con người. Người Công giáo định cư ở dinh điền Cái Sắn, Hồ Nai có chung một xuất phát điểm là giáo dân từ nhiều xứ đạo của các địa phận Miền Bắc: Bùi Chu, Phát Diệm, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Bình, Thanh Hóa... Họ di cư vào Nam theo sự hướng dẫn của các linh mục. Mỗi linh mục phụ trách một nhóm gia đình, trong nhóm chia ra nhiều tổ gia đình thường là có xuất thân từ cùng một xứ đạo ở Miền Bắc. Khi đến vùng đất mới, linh mục bốc thăm chọn vị trí cho nhóm. Tổ trưởng bốc thăm chọn vị trí cho tổ. Mỗi gia đình bốc thăm chọn một lô đất (riêng ở Cái Sắn do điều kiện đất đai rộng nên mỗi hộ được cấp một lô đất có diện tích 3ha). Nhóm trở thành xứ đạo, tổ trở thành khu đạo. Linh mục hướng dẫn di cư trở thành linh mục chính xứ, coi sóc xứ đạo.

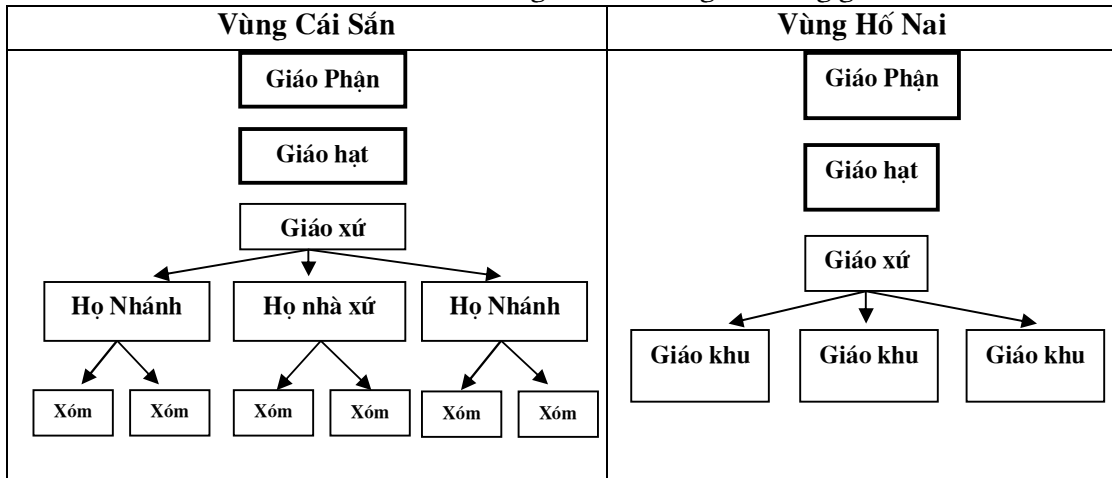
## **2. Cơ cấu tổ chức sinh hoạt theo giáo xứ**

Ở khía cạnh cơ cấu tổ chức giáo xứ theo Giáo hội Công giáo Việt Nam, giáo xứ được xem là đơn vị cơ sở thấp nhất, có tư cách pháp nhân của tổ chức Giáo hội Công giáo. Nó có vai trò rất quan trọng: là nơi trực tiếp cai quản giáo dân, nơi thực hiện các chủ trương của Giáo hội. Giáo hội Công giáo định nghĩa: "Giáo xứ là một cộng đoàn, tín hữu được thiết lập thành đơn vị giáo hội cơ sở trong một địa dư nhất định, có tính bền vững trong cơ cấu tổ chức giáo hội", "Tất cả giáo xứ và các đơn vị tương đương với giáo xứ đều có tư cách pháp nhân theo giáo luật".

Theo quy chế "Hội đồng giáo xứ" của Tòa Giám mục Long Xuyên, xuất bản năm 1971, lời mở đầu có ghi: "Địa phận Long Xuyên gồm nhiều giáo hạt, mỗi giáo hạt gồm nhiều giáo xứ, mỗi giáo xứ gồm nhiều họ, mỗi họ có thể chia ra làm nhiều khu. Họ có linh mục ở thường

xuyên gọi là họ chánh, các họ khác gọi là họ nhánh, đặt dưới quyền lãnh đạo của cùng một linh mục chính xứ như một đại gia đình"<sup>(3)</sup>. Với cách thức tổ chức như vậy, vùng Cái Sắn đã tạo dựng các giáo xứ gắn với mô hình các giáo xứ ở Miền Bắc trước năm 1954 hơn vùng Hồ Nai. Nghĩa là dưới cấp giáo xứ, có các giáo họ và mỗi giáo họ đều có các thiết chế như nhà thờ, nhà xứ riêng và thông thường có một linh mục phó xứ phụ trách họ nhánh. Khi số lượng giáo dân đông lên thì họ nhánh có thể hình thành giáo xứ riêng, độc lập với họ nhà xứ. Trong khi đó tại khu vực Hồ Nai, do mật độ dân số đông, đất đai hạn hẹp, mỗi giáo xứ được chia ra thành nhiều giáo khu, chứ không có các họ nhánh như ở khu vực Cái Sắn.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức theo giáo xứ của người Công giáo di cư



Lí giải cho vấn đề này có lẽ xuất phát từ không gian định cư của hai cộng đồng. Nếu như giai đoạn đầu vào năm 1954, hàng đoàn giáo dân đổ về Hồ Nai với số lượng khá đông, người giáo dân đã thiết lập các giáo xứ theo mô hình làng xã truyền thống, cư trú theo hình

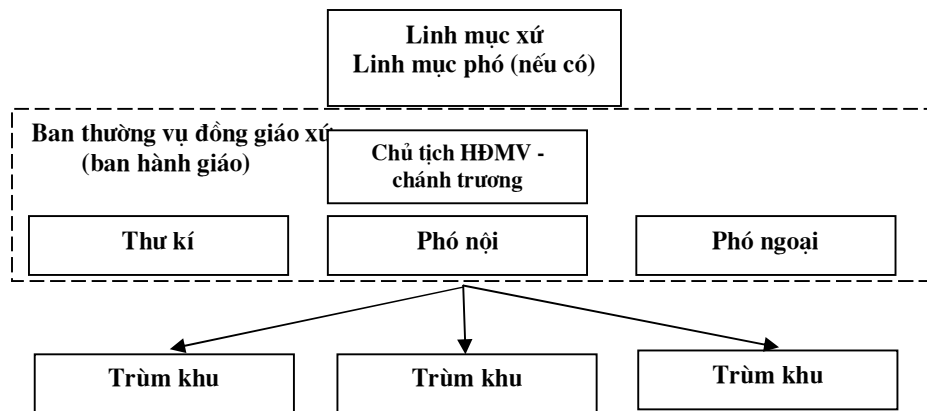
"ốc đảo", các hộ dân cư trú khép kín xung quanh nhà thờ thì đến năm 1956 chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) bố trí một lượng lớn giáo dân từ Biên Hòa, Sài Gòn về định cư tại khu vực

3. Quy chế Hội đồng giáo xứ của Tòa Giám mục Long Xuyên, xuất bản năm 1971.

Dinh điền Cái Sắn rộng lớn, dân chúng được bố trí cư trú phân tán dọc theo các kênh, rạch. Chính điều kiện đất đai rộng lớn, cư trú phân tán, cộng với chính sách của Giáo phận Long Xuyên khi thành lập vào những năm 60 của thế kỷ trước đã chủ trương thành lập các giáo xứ, các giáo họ nhánh với đầy đủ thiết chế như nhà thờ, nhà xứ tương đối hoàn chỉnh. Chính cách thức này tạo điều kiện hình thành các giáo xứ mới cho các giai đoạn tiếp sau này. Điều này tương tự như các giáo xứ gốc Miền Bắc, một giáo xứ nằm trên địa bàn địa lý rộng, với nhiều họ nhánh và khi số giáo dân tăng, đủ điều kiện thành lập một giáo xứ thì tách thành giáo xứ riêng.

Tuy nhiên, do điều kiện cư trú dẫn đến sự khác biệt về cách thức tổ chức cộng đồng như trên đã nói, cho nên cơ cấu tổ chức Hội đồng giáo xứ ở khu vực Hồ Nai với khu vực Cái Sắn hiện nay có sự khác biệt tương đối. Cơ cấu Hội đồng giáo xứ ở khu vực Hồ Nai thường bao gồm một Chánh trưởng (chủ tịch) phụ trách công việc chung, một Phó nội phụ trách các công việc phụng vụ, quản lý thiết bị của nhà thờ; một Phó ngoại phụ trách các công việc ngoại giao với các giáo xứ khác hoặc với chính quyền địa phương khi có yêu cầu và một thư kí và một thủ quỹ, có những nơi thư kí, kiêm thủ quỹ.

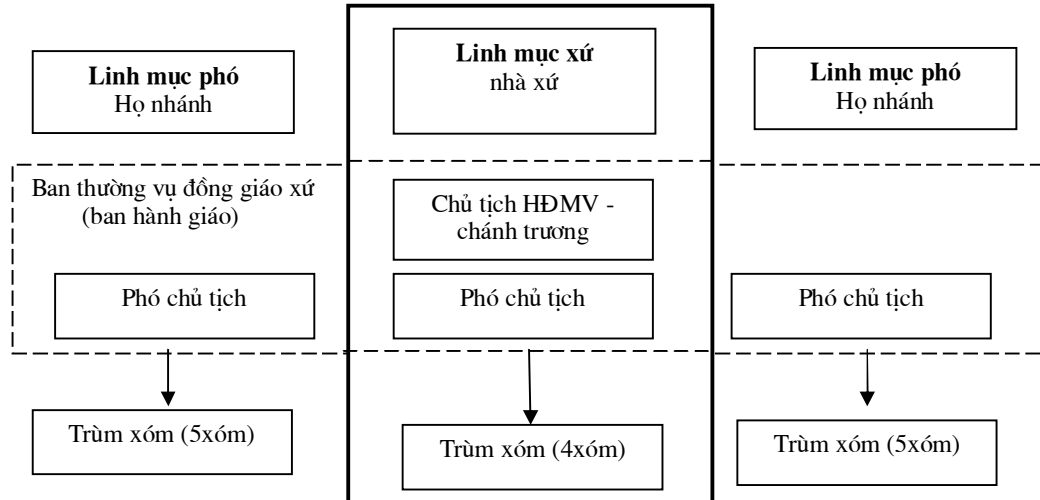
Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức Hội đồng giáo xứ phổ biến tại các giáo xứ vùng Hồ Nai



Trong khi đó, cơ cấu tổ chức Hội đồng mục vụ các giáo xứ thuộc khu vực Cái Sắn lại được tổ chức theo mô hình phân quyền. Họ nhà xứ có một chủ tịch, một phó chủ tịch Hội đồng Mục vụ, các họ nhánh đều có thêm một phó chủ tịch, phụ trách chung công việc của giáo họ. Tuy nhiên, qua tìm hiểu, chúng tôi thấy cũng có một vài trường hợp ở Cái Sắn, đặc biệt là các giáo xứ mới thành lập sau này, trên cơ sở tách ra từ họ chính

thì có cơ cấu tổ chức tương đối giống với các giáo xứ tại khu vực Hồ Nai. Nghĩa là các giáo họ (họ nhánh) không còn nữa mà thay vào đó là các giáo khu, cơ cấu Hội đồng mục vụ tập trung, không phân quyền ra các giáo khu. Như vậy, có thể thấy xu hướng phát triển các giáo xứ ở khu vực Cái Sắn theo hướng cơ cấu tổ chức nhân sự Hội đồng mục vụ sẽ giống khu vực Hồ Nai, cũng như các vùng đô thị lân cận.

Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức Hội đồng Mục vụ phổ biến tại các giáo xứ vùng Cái Sắn



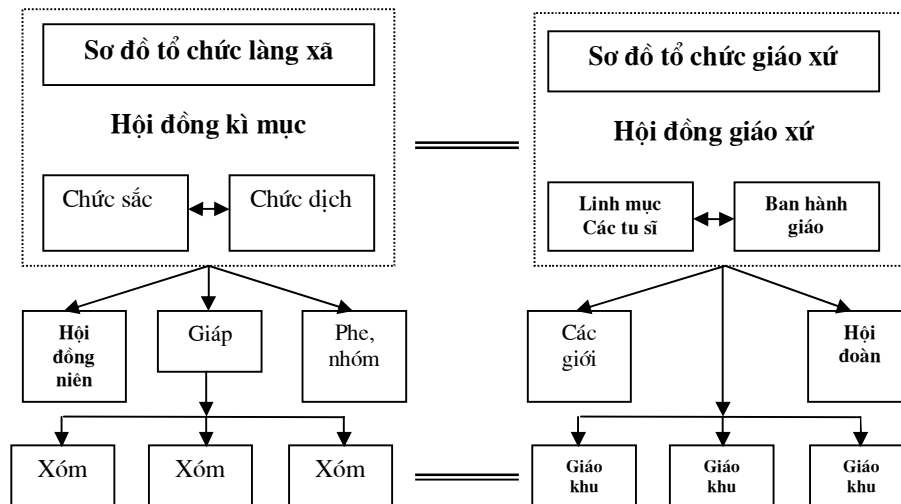
Về chức năng và nhiệm vụ của các thành viên trong Ban hành giáo ở cả hai khu vực Hồ Nai và Cái Sắn tương đối giống nhau. Mỗi thành viên đảm nhận một công việc khác nhau, mang tính chất đặc trưng như: chánh trương đảm nhận công việc chung, phó nội phụ trách phụng vụ thánh lễ, các giờ kinh trong nhà thờ, ngoài ra còn quản lí thêm hệ thống âm thanh, ánh sáng của nhà thờ; phó ngoại chịu trách nhiệm ngoại giao với các giáo xứ khác, tôn giáo bạn và chính quyền; hai chức vụ còn lại là thư kí (những công việc liên quan đến sổ sách) và thủ quỹ. Tùy vào đặc trưng của giáo xứ mà mỗi thành viên trong Ban hành giáo được phân công thêm một số công việc đặc trách, chẳng hạn như: ở giáo xứ Ngọc Thạch, Cái Sắn có nhà máy sản xuất nước sạch đóng chai, nên ông phó ngoại được giao thêm một công việc là chịu trách nhiệm coi sóc nhà máy sản xuất nước. Ở mỗi vùng có một cách gọi khác nhau, mặc dù trên “giấy tờ” thì “chánh trương” được gọi là “chủ tịch” nhưng trong giao tiếp hằng ngày, người ta vẫn quen gọi là “chánh trương”, “ông trùm”...

Có thể thấy, quá trình định cư tại vùng đất mới, người ta đã phải chọn lựa những yếu tố cốt lõi nhất để gìn giữ, yếu tố nào không phù hợp thì loại bỏ hoặc hòa vào các yếu tố Công giáo để tồn tại. Cơ cấu tổ chức Hội đồng giáo xứ có sự mô phỏng theo cơ cấu làng xã truyền thống của người Việt là Hội đồng kì mục, cùng với các nhóm, phe, hội được vận hành trong các nhóm hội đoàn Công giáo như các giới, hội đoàn... Mô hình hoạt động các giáo xứ được vận hành theo mô hình tự quản cộng đồng bao gồm: Ban thường vụ giáo xứ hay còn gọi là Ban hành giáo, Ban điều hành các giáo khu, Ban trị sự các giới. Hội đồng giáo xứ được giáo dân trong giáo xứ bầu dân chủ bằng phiếu kín với nhiệm kì bốn năm một lần. Thông thường, để được bầu vào Ban hành giáo, người đó phải có đức độ, uy tín, có nhiều đóng góp với giáo xứ, phải là dân cộng đồng cũ (chính cư) và tương đối lớn tuổi. Những người được bầu vào hội đồng giáo xứ được xem là những người có danh giá trong cộng đồng nên một số nơi trong khu vực Hồ Nai, Cái Sắn khi đến đợt bầu cử cũng có những đợt vận

động bầu cử nhất định. Chính vì vậy, mỗi lần diễn ra các đợt bầu cử hội đồng giáo xứ, dư luận trong giáo dân rất được quan tâm. Đặc điểm này không khác với các cộng đồng truyền thống Bắc Bộ bao nhiêu. “Điều quan trọng là người nông

dân rất thích trở thành chức việc; họ có thể đạt được bằng sự chấp nhận của các vị kỳ mục hay do dân cử, nghĩa là bằng thủ đoạn; và họ chỉ đạt được khi lớn tuổi”<sup>(4)</sup>.

Sơ đồ 4: Cơ cấu tổ chức hành chính, tự trị làng xã truyền thống và sơ đồ tổ chức các xứ đạo Công giáo di cư



Thực tế tính sáng tạo trong việc vay mượn những thiết chế làng xã cổ truyền vào mô hình tổ chức giáo xứ xuất phát từ các nhà truyền giáo phương Tây với chiến lược thích nghi với phong tục tập quán người Việt khi thiết lập các thiết chế cộng đồng trong họ đạo, giáo xứ. Hiện nay, tổ chức tự quản những người giáo dân tại các xứ đạo hầu hết đều được gọi là *Hội đồng giáo xứ* hay *Hội đồng Mục vụ*, do ảnh hưởng của điều 536 trong Bộ Giáo luật năm 1983. Tuy nhiên, hội đồng này đã có rất nhiều tên gọi khác nhau gắn liền với lịch sử truyền giáo tại Việt Nam, tùy từng miền: Ban Chức việc, Ban Trùm họ, Ban Quới chức, Hội đồng giáo xứ... Đây chính là một điểm đặc biệt trong Giáo hội Công giáo ở Việt Nam.

Như vậy, quá trình di cư vào Nam năm 1954 đã tạo điều kiện cho nhóm cư dân này tái hiện toàn bộ kết cấu cộng đồng làng xã theo mô hình Bắc Bộ với những điều kiện mà không phải cuộc di cư nào cũng có. Chẳng hạn như: di cư cả dòng họ, cả cộng đồng; đến vùng đất vẫn còn hoang sơ, ít người sinh sống; việc định cư và xây dựng giáo xứ được phó mặc cho các linh mục quản xứ mà những linh mục này cũng là những người gốc Bắc Bộ và là những người dẫn đầu các cuộc di cư vào Nam. Cho nên, khi vào vùng đất mới, nhóm người này không bị ảnh hưởng nhiều bởi cư dân tại chỗ mà họ tới tự lập cộng đồng, lập xã theo

4. Pierre Gourou, *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb. Trẻ, 2003, tr. 249.

những tiêu chí của mình mang theo từ đất quê nhà. Và đặc biệt, chính quyền từ trước đến nay cũng căn cứ vào các đơn vị cộng đồng làng xã này mà thiết lập đơn vị hành chính như xã, ấp. Tuy nhiên, đối với cộng đồng Công giáo, dù chịu sự quản lý trực tiếp bởi hệ thống chính quyền địa phương, nhưng họ vẫn duy trì một hệ thống tổ chức xã hội riêng, độc lập với các tổ chức chính thức do nhà nước lập nên. Họ có tôn chỉ mục đích riêng, có cơ chế vận hành riêng và đáp ứng một nhu cầu xã hội riêng trong đời sống cộng đồng. Trong đó, bộ máy điều hành được dân chúng bầu nên để vận hành đời sống xã hội của cộng đồng như: Hội đồng giáo xứ, các giới, hội đoàn Công giáo...

### 3. Hội đồng giáo xứ

Hội đồng giáo xứ tại các xứ đạo vùng Công giáo được xem là giới tinh hoa của cộng đồng. Bởi đây là nhóm người được dân chúng bầu chọn để điều hành mọi hoạt động của giáo xứ. Đây cũng là một hình thức tổ chức của giáo dân đã có lịch sử lâu đời, được hình thành và phát triển trong quá trình hình thành và phát triển Công giáo vào Việt Nam. Mặc dù không nằm trong hệ thống hành chính đạo, nhưng đây là tổ chức có vai trò quan trọng đối với Công giáo Việt Nam trong việc giữ đạo, sống đạo và phát triển đạo, nhất là Giáo hội Công giáo chủ trương đề cao vai trò của giáo dân vào việc tông đồ, truyền giáo.

Khi tìm hiểu các cuộc bầu cử hội đồng giáo xứ tại các điểm nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy các cuộc bầu cử diễn ra rất chặt chẽ. Vòng một tại các giáo khu, để cử và bầu làm người đại diện cho giáo khu của mình vào vòng hai, cấp giáo xứ. Sau đó, giáo xứ công bố tên các ứng viên

công khai niêm yết danh sách tại nhà thờ. Tiếp đến, vào ngày lễ Chủ nhật được mọi người thống nhất, người ta phát phiếu bầu cho tất cả mọi người từ giới trẻ trở lên trực tiếp bầu ra Hội đồng giáo xứ. Nhưng thông thường vị trí *Chánh trưởng* hay *chủ tịch*<sup>5)</sup> bao giờ cũng được Hội đồng giáo xứ đương nhiệm nhắm tới trước, thường là những người đức độ và có điều kiện tài chính trong giáo xứ. Tiêu chuẩn để được bầu vào Hội đồng giáo xứ là cá nhân đó phải có đời sống đạo đạo đức tốt, điều kiện kinh tế tương đối khá giả để có thể dành nhiều thời gian cho công việc của giáo xứ, và một điều đặc biệt quan trọng nữa là cá nhân đó phải từng là thành viên trong ban điều hành giáo khu. Nếu không từng là thành viên trong các giáo khu thì không được bầu vào Hội đồng mục vụ, vì dù sao để một người đứng vào hàng ngũ của Hội đồng mục vụ thì người đó phải có uy tín và kinh nghiệm làm việc. Cách thức bầu cử thông thường nhất là để tất cả giáo dân bầu, rồi lấy số người cao phiếu nhất (thuộc Ban hành giáo xứ). Tuy nhiên, cách thức tuyển chọn những cá nhân vào Hội đồng mục vụ giáo xứ cũng có những thay đổi, thích nghi với bối cảnh xã hội của cộng đồng. Qua tìm hiểu các chức sắc trong Hội đồng giáo xứ tại khu vực Cái Sắn, chúng tôi được biết cách đây hơn 10 năm, người ta thường có xu hướng bầu cho người lớn tuổi vào những vị trí cao, nếu như người lớn tuổi không được bầu vào vị trí cao nhất thì người trẻ hơn ở vị trí cao nhất đó có thể nhường cho người lớn tuổi.

5. Ở Lai Ổn, vị Trưởng Ban hành giáo người ta gọi là Chánh trưởng nhưng ở Ngô Xá thời gian gần đây người ta gọi là Chủ tịch.

Cũng theo các vị chức sắc này, bây giờ chuyện “kính lão đắc thọ” ấy không còn nữa, hễ ai có phiếu cao nhất vị trí nào thì làm vị trí đó. Chức vị chánh trưởng thường được bầu theo hình thức “tự bầu” trong nội bộ - tức là những người được bầu vào Ban hành giáo xứ sau khi có danh sách chính thức, thì những thành viên này thường họp lại với nhau để bầu ra chánh trưởng, phó trưởng, thư kí và thủ quỹ (buổi họp này có sự hiện diện của Ban hành giáo cũ nhưng chỉ là mang tính chất tham khảo). Các thành viên dựa vào ưu điểm của mỗi người để “đặt” vào những vị trí thích hợp.

Như vậy, có thể thấy việc bầu chọn các giáo dân vào Ban hành giáo là một việc làm rất quan trọng, đòi hỏi nhiều yếu tố khác nhau. Chính vì thế, những người được bầu vào Ban hành giáo có thể được xem như là những người “tứ tú” trong cộng đồng giáo xứ đó. Mỗi người được đảm nhận những chức vụ dựa trên sự xem xét chức vụ đó là hợp lí đối với họ, đặc biệt là biết sử dụng đúng những lợi điểm của cá nhân để phát huy hiệu quả công việc. Việc biết kết hợp linh hoạt, hài hòa giữa yếu tố “Đạo” và “Đời” một cách khéo léo, cụ thể bằng việc trọng dụng những người giáo dân có uy tín với chính quyền vào các vị trí trong Ban hành giáo đã giúp phát huy hiệu quả công việc của giáo xứ. Sự ứng xử khéo léo này cũng thường thấy ở Hồ Nai, cũng như ở Cái Sắn, mặc dù tiêu chuẩn này không ai nói ra, nhưng dường như mọi người tự quy ước và tự hiểu với nhau “sự kết hợp như vậy thì sẽ phát huy hiệu quả rất cao”.

Trong khi đó, phần đông cá nhân cho rằng họ tham gia vào Hội đồng mục vụ

vì họ muốn “làm việc tông đồ”, “trả công cho Chúa”. Khi tìm hiểu về lí do tham gia Hội đồng mục vụ, chúng tôi nhận thấy có nhiều lí do khác nhau nhưng tựu chung lại là hướng đến những giá trị tâm linh. Họ làm việc với tinh thần hi sinh, phục vụ mọi người. Chính vì xuất phát từ ý thức hi sinh việc cá nhân để phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng, nên những cá nhân này thường được cộng đồng giáo dân coi trọng và đề cao. Mặt khác, chính những cá nhân làm việc trong Hội đồng mục vụ cũng nhận thấy rằng, mặc dù họ hi sinh công việc của gia đình để làm công việc chung nhưng công việc riêng của họ vẫn rất thuận lợi thậm chí là còn suôn sẻ hơn cả lúc họ chưa đảm nhận chức vụ trong Hội đồng mục vụ.

Chính vì những điều đó, tạo động lực, thúc đẩy họ hi sinh làm việc cho Chúa, đúng với trách nhiệm và bổn phận của một con chiên. Họ thường là tâm điểm sự chú ý của người khác do đó, nếu họ có phẩm hạnh, làm việc tốt thì luôn được xem là “tấm gương” cho tất cả cộng đồng và việc được mọi người trong cộng đồng tin yêu, kính mến là điều tất nhiên. Những người nằm trong Ban hành giáo thường được ưu ái gọi bằng chính chức danh họ đang đảm nhận (điều này cũng giống như ở cộng đồng Công giáo Hồ Nai), ví dụ như ông chánh... hay ông phó chánh... Hoặc theo như một linh mục ở khu vực Cái Sắn cho chúng tôi biết “*khi viết thiệp mời đám cưới, đám tiệc hay một liên hoan nào đó thì người gửi phải đề rõ chức vụ của người được gửi, ví dụ như: kính gửi ông bà Chánh. Chứ không thể để những hàng chữ như “kính gửi ông bà”, người ta muốn có sự phân biệt về trật tự, thứ bậc trong đó*”.

Đặc biệt, trong cơ cấu Hội đồng giáo xứ chủ yếu là nam giới, cơ hội cho nữ giới được tham gia vào các chức vị cao quý của giáo xứ ít hơn so với nam giới. Điều này xét góc độ về bình đẳng giới thì có vẻ như đây là mô hình tập trung quyền lực vào những người đàn ông trong cộng đồng.

*“Từ trước đến giờ thì chưa bao giờ có trường hợp phụ nữ làm Chủ tịch Hội đồng mục vụ, hay là có danh hiệu “bà trùm” (nếu có thì cũng chỉ là người ta gọi theo chức danh của ông chồng thôi). Tất cả những công việc đó đều do người đàn ông đảm trách. Nếu nói về mong muốn thì chắc hẳn ai cũng mong muốn mình được làm những công việc đó, cũng muốn mình được nằm trong một tổ chức lãnh đạo. Nhưng cái tư tưởng, cái truyền thống đặc biệt là những người gốc Bắc ở đây đã quá ăn sâu vào người phụ nữ, khiến cho họ dù muốn cũng không dám bứt phá để đứng lên. Tôi đi công tác rất nhiều, cũng tiếp xúc với nhiều người dân nữa, và cô biết có những người rất giỏi, thậm chí giỏi hơn đàn ông rất nhiều, nhưng họ vẫn không thể đứng lên lãnh đạo được, đó là một thiệt thòi cho phụ nữ”<sup>(6)</sup>.*

Vị trí của người phụ nữ trong các tổ chức Công giáo so với vị trí của người phụ nữ trong các tổ chức chính quyền có sự khác biệt rất lớn. Người phụ nữ Công giáo thì chỉ có thể làm bà quản, nhưng người phụ nữ ngoài xã hội thì có thể là người đứng đầu trong cơ quan Nhà nước. Vị trí của người phụ nữ trong Công giáo vẫn còn bị hạn chế rất nhiều so với ngoài xã hội.

Tóm lại, mô hình tổ chức các giáo xứ Công giáo của người Bắc di cư là mô hình tập trung quyền lực gia trưởng, và

những cá nhân thuộc Hội đồng mục vụ là những người được giáo dân trong cộng đồng vị nể, mến mộ với vai trò được cộng đồng bầu chọn, vì thế những cá nhân này phải sự hi sinh “cái riêng” để phục vụ cho “cái chung”, họ là những người đại diện cho người khác để làm việc cho cộng đồng.

#### **4. Các giới, hội đoàn Công giáo và vị thế xã hội của các thành viên**

Theo Max Weber, việc tham gia các hội đoàn như là “*những nấc thang thăng tiến xã hội*” và ông cũng đưa ra sự khác biệt trong sự tham gia các hội đoàn tôn giáo giữa truyền thống của người Đức và người Mỹ. Nếu như người Đức tham gia các hội đoàn “*chỉ thuần túy theo phong tục, chỉ hướng tới hợp thức cá nhân và xã hội của họ*”. Trong khi đó, quan niệm ở Mỹ “*việc được gia nhập các câu lạc bộ nói trên tương đương với việc có được chiếc vé trong xã hội và trước hết chứng nhận trước diễn đàn về phẩm cách cá nhân, “là đã chứng minh được phẩm cách của mình”<sup>(7)</sup>.*

Trong quá trình sinh sống và quan sát trong cộng đồng tại Hồ Nai, chúng tôi cũng nhận thấy việc tham gia các giới, hội đoàn trong các giáo xứ Công giáo ở Việt Nam một khía cạnh nào đó cũng thể hiện lòng mộ đạo và tư cách đạo đức của người tham gia. Một thành viên trong một giáo xứ không tham gia bất kì hội đoàn nào sẽ không nhận được sự tôn

6. Trích phỏng vấn một nữ cán bộ cấp xã vùng Cái Sắn, 49 tuổi, ngày 26/6/2009.

7. Max Weber, *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, bản dịch của Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng và Trần Hữu Quang, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, các trang 341, 343.

trọng như những người tham gia nhiều hội đoàn của giáo xứ như Ca đoàn, giáo lí viên...

Trong tất cả các cộng đồng người Việt truyền thống, vấn đề cơ bản trong đời sống chính trị của cộng đồng và cũng là mối quan tâm của người dân trong làng là việc sắp xếp ngôi thứ trong cộng đồng. Bên cạnh đó, trong nội bộ các cộng đồng còn chia thành nhiều nhóm người theo từng ngôi thứ, vị thế trong cộng đồng của mình mà theo Pierre Gourou : *“Nét đáng chú ý nhất trong đời sống xã hội của làng Bắc Kỳ là xu hướng của người nông dân muốn họp thành phe, nhóm. Ta đã thấy những tổ chức đó ở thôn, xóm, giáp. Nhưng còn các tổ chức khác nữa. Tất cả các nhóm đó đều tham gia tích cực ít nhiều vào các lễ hội của làng và tất nhiên chúng có hội hè riêng, nghĩa là cỗ bàn riêng”*<sup>(8)</sup>. Các cộng đồng Công giáo di cư ngày nay cũng vẫn còn những nét đặc trưng của cộng đồng Bắc Bộ. Trong nội bộ các giáo xứ cũng chia thành các nhóm khác nhau theo các tiêu chí theo giới, tuổi tác hoặc hội đoàn để mỗi người dân trong giáo xứ tham gia vào các tổ chức đặc trưng, phù hợp với mình. Chẳng hạn như các giới từ bô lão đến gia trưởng, giới trẻ, thiếu nhi. Mỗi giới đều có Thánh Quan Thầy riêng và có ngày kính các Thánh Quan Thầy của giới mình để tổ chức rước sách, hội họp và liên hoan theo kiểu “cỗ bàn riêng”.

Trong quá trình tìm hiểu hoạt động của từng giới trong các giáo xứ, chúng tôi nhận thấy, tùy vào mỗi giáo xứ mà phân công cho các giới khác nhau, nhưng vẫn có những công việc chung, đặc trưng dành cho mỗi giới là giống nhau ở hầu hết các giáo xứ.

- **Giới Cao niên:** Tại các giáo xứ Công giáo vùng di cư, người ta quan niệm người nào bước vào tuổi 60 được xem là các “cụ Bô”. Thông thường các bô lão là những người có tiếng nói uy tín trong giáo xứ và tham gia bàn bạc các việc chung của giáo xứ. Giới bô lão cũng có ban điều hành để tự điều hành các công việc của giới và có ngày lễ thánh quan thầy riêng. Có một đặc điểm chung của giới bô lão tại đây, tuy đã bước vào tuổi lão nhưng các cụ ông vẫn cho mình thuộc giới gia trưởng, cho dù tuổi già sức yếu nhưng vẫn “mong muốn” mình vẫn giữ vai trò chủ gia đình. Dù rằng những “mong muốn” này cũng vấp phải sự phản ứng của những người nhỏ tuổi hơn trong giới gia trưởng. Vì như thế những người trẻ tuổi hơn sẽ gặp khó khăn trong việc điều hành giới của mình.

Chính vì thế, có những trường hợp những người lớn tuổi tham gia hai giới trong giáo xứ là giới gia trưởng và giới bô lão. Xét cho cùng những “mong muốn” của những bô lão cũng nhắm đến sự duy trì quyền lực, địa vị cá nhân bản thân đối với gia đình và cộng đồng. Chính vì vậy, giới bô lão dù đã bước sang địa vị mới nhưng vẫn duy trì vị thế của mình ở giới các ông bố và bà mẹ Công giáo. Bởi gia trưởng và hiền mẫu được xem là giới có vị thế xã hội cao trong cộng đồng. Điều đặc biệt của giới này ở vùng Hồ Nai là không phân biệt hay chọn tiêu chí tuổi tác để xác định, tiêu chí duy nhất là những ai đã kết hôn và có con cái. Ở hai giáo xứ này, những người lớn tuổi không thuộc giới bô lão như ở cộng đồng giáo dân Hồ Nai.

8. Pierre Gourou, *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Sđd, tr. 252.

- **Giới Gia trưởng:** tiên thân của giới này là *Hội Liên minh Thánh tâm*. Đây là tổ chức dành cho nam giới, thành lập năm 1883. Ở Việt Nam, Hội Liên minh Thánh tâm được thành lập năm 1950. Đây là một đoàn thể Công giáo được Giáo hội Roma đánh giá là xuất sắc của phong trào Công giáo tiến hành. Nó có tổ chức chặt chẽ, rộng khắp ở các xứ đạo Công giáo vùng Cái Sắn. Hội Liên minh Thánh tâm, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của giám mục địa phận và linh mục chính xứ thông qua một giám đốc Liên minh Thánh tâm, mang tính chất quốc tế rộng rãi. Sau năm 1975, các hội đoàn này không được nhà nước khuyến khích hoạt động, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có chiến lược thích nghi với tình hình mới trong việc chuyển tên gọi Hội Liên minh Thánh tâm thành Giới Gia trưởng.

Theo tìm hiểu của chúng tôi và các cộng sự viên tại Hồ Nai và Cái Sắn, giới gia trưởng các giáo xứ thường chọn ngày 1/5 lễ Thánh Giuse lao động làm lễ mừng kính thánh quan thầy của giới mình. Chọn Thánh Giuse lao động là vì ý nói tới vai trò làm chủ gia đình của Thánh Giuse ngày xưa là cha nuôi Chúa Giêsu. Họ xem đó như là mẫu hình lý tưởng của giới mình. Người cha phải vất vả lao động để nuôi sống gia đình và làm gương sáng dạy dỗ con cái. Ngoài các công việc của giới thì giới gia trưởng cũng tham gia công việc của giáo xứ như chia người canh giữ các trang thiết bị của nhà thờ vào ban đêm, tổ chức các lễ hội rước sách của giáo xứ như mùa Giáng Sinh thì làm hang đá, mùa Phục Sinh thì tổ chức *ngắm dấu danh*<sup>(9)</sup>, rước Chúa chịu nạn, làm hang đá nhà mồ... Đặc biệt giới gia trưởng là thành phần

chủ lực tham gia hội đồng giáo xứ. Chính vì thế, những người nam giới khi lập gia đình xong thì đương nhiên được xếp vào giới gia trưởng. Những người khác cho dù lớn tuổi nhưng chưa lập gia đình thì vẫn không được xếp vào giới gia trưởng.

Về tổ chức và cách thức hoạt động, giới này hoạt động theo nguyên tắc và tôn chỉ riêng nhưng vẫn nằm trong khuôn khổ của giáo xứ, giáo hạt và giáo phận, nghĩa là giới này có mạng lưới hoạt động không chỉ trong nội bộ giáo xứ mà có giáo xứ liên kết với những người cùng giới ở các xứ đạo khác.

- **Giới Hiền mẫu:** Tương tự giới gia trưởng, giới hiền mẫu cũng không phân chia theo tuổi tác mà ý nói đến giới của các bà mẹ, một số nơi gọi hẳn là giới các bà mẹ. Như vậy, giới hiền mẫu là tập hợp những người phụ nữ đã lập gia đình và sinh con. Đây cũng được xem là địa vị xã hội, được gán sẵn trong điều kiện cơ cấu tổ chức của nhóm xã hội ổn định, bền chặt. Sự thay đổi thân phận vị thế xã hội trong cộng đồng đối với những người phụ nữ lớn tuổi, chưa chồng là một áp lực rất lớn. Một vài trường hợp phụ nữ lớn tuổi ở vùng Cái Sắn mà chúng tôi tiếp xúc phải lựa chọn phương cách nhận con nuôi để cộng đồng xác nhận cá nhân này vào giới hiền mẫu, nhưng thông thường họ nhận những đứa trẻ là con cháu trong dòng tộc. Theo họ, với vai trò làm mẹ, người phụ nữ phải nêu gương

9. Dạng thức hát ngâm diễn tả 15 sự thương khó của Chúa Jesu. Người ngắm mặc áo tang, được trống phách rước lên. Trong khi ngắm, được một người lớn tuổi cầm trích thường bằng những "lèo" mèn, trống từ loại nhỏ đến loại lớn, lần lượt đánh nối theo nhau, thành một chuỗi âm thanh tiến cấp.

sáng là người mẹ hiền để giáo dục con cái. Giới hiền mẫu cũng có ban điều hành và có thánh quan thầy; cũng tổ chức mừng kính thánh quan thầy của giới mình rất long trọng. Thông thường Giới Hiền mẫu ở Hố Nai hay chọn Thánh Monica là mẹ của Thánh Augustino. Vì Thánh Monica suốt cuộc đời cầu nguyện, sống gương mẫu để con trở nên Thánh.

- **Giới Trẻ:** Trong khi đó, nhóm những người trẻ tuổi, chưa lập gia đình thì được gọi là giới trẻ. Họ được xem là nhóm người bắt đầu bước vào tuổi trưởng thành nhưng chưa được xem là người trưởng thành một cách đầy đủ đối với cộng đồng (vì chưa lập gia đình, sinh con). Chính vì vậy, giới trẻ phải tham gia học các lớp giáo lí hôn nhân được tổ chức chuyên sâu về gia đình, vai trò làm cha, làm mẹ và cả các lớp chuyên đề về sức khỏe sinh sản theo chuẩn mực của người Công giáo. Đặc biệt, các lớp chuyên đề này nhấn mạnh đến yếu tố nghiêm cấm phá thai; hướng dẫn phòng tránh thai theo phương pháp tự nhiên. Đây cũng là lực lượng chính tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ cho giáo xứ mỗi khi có hội hè. Họ cũng tham gia hội giáo lí viên của giáo xứ để dạy giáo lí cho thiếu nhi. Bên cạnh đó, họ còn tham gia các hoạt động từ thiện của giáo xứ hoặc tham gia các buổi chĩnh trang đường sá trong giáo xứ. Giới trẻ cũng có ban điều hành theo từng giáo khu, giáo xứ và cũng không thể thiếu thánh quan thầy. Ngày lễ kính thánh quan thầy cũng được tổ chức rước sách linh đình và có cỗ bàn riêng trong ngày mừng

- **Giới Thiếu nhi:** Nhóm có vai trò thấp nhất trong cộng đồng là giới thiếu nhi. Giới này bao gồm các em nhỏ từ 6 tuổi

đến 16 tuổi. Tiền thân của giới này là Hội Thiếu nhi Thánh thể được thành lập ở Pháp năm 1917, truyền sang Việt Nam năm 1929. Tổ chức này có mục đích “đào luyện người thiếu nhi trở thành những con người có nhân phẩm và thành người giáo hữu đạo đức, biết làm việc tông đồ”. Đây là hội đoàn phổ biến nhất của lứa tuổi thiếu nhi, trước ngày 30/4/1975 xứ đạo nào cũng có tổ chức này hoạt động. Nó có hệ thống tổ chức chặt chẽ, hoạt động mạnh, thu hút đông đảo thiếu nhi Công giáo, được Giáo hội Công giáo đặc biệt quan tâm lãnh đạo và phát triển.

Các em trong giới này được chia thành ba nhóm nhỏ theo độ tuổi: Nhóm một bao gồm các em tuổi từ 6 đến 10 tuổi, các em bắt buộc tham gia chương trình giáo lí “Đến bàn tiệc Thánh” để được rước lễ lần đầu. Nhóm thứ hai bao gồm các em từ 11 đến 13 tuổi, phải tham gia chương trình giáo lí “Lớn lên trong Chúa Thánh Thần” để được chịu phép Bí tích Thêm sức và tìm hiểu về phụng vụ lời Chúa. Nhóm thứ ba bao gồm các em tuổi từ 14 đến 16 tuổi, học chương trình giáo lí “Sống đạo”. Các em này được các anh chị giáo lí viên hướng dẫn học giáo lí và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ hoặc vui chơi dã ngoại. Như thế những đứa trẻ trong cộng đồng phải học các cách thức, nên nếp sinh hoạt của giáo xứ. Chính quá trình này là quá trình định chuẩn nhân cách của những đứa trẻ người Công giáo với cách thức hành xử khác với người không tôn giáo hoặc tôn giáo khác.

Ngoài ra còn có hội Legio Marie hay còn gọi là Hội Cầu nguyện con Đức Mẹ; Hội dòng Ba Đa Minh cũng là dạng hội dòng cầu nguyện nhưng chủ yếu của giới

bô lão tham gia cầu nguyện, tinh tâm mỗi ngày; Hội Kê liệt, còn gọi là Hội Chăm sóc bệnh nhân. Thông thường, những người tham gia Hội Kê liệt chủ yếu là giới gia trưởng, hiền mẫu, nhất là những người lớn tuổi có nhiều thời gian rảnh. Họ thường xuyên lui tới những người ốm đau để an ủi, khuyên nhủ những người bệnh xưng tội, rước lễ dọn mình trước khi qua đời. Khi có người hấp hối thì Hội Kê liệt luôn túc trực bên cạnh để cầu nguyện, an ủi người bệnh với ý nghĩa là xua đuổi ma quỷ khỏi cảm dỗ người bệnh trước lúc lâm chung, để người bệnh thanh thản trở về với Chúa. Bên cạnh đó, tùy theo mỗi giáo xứ mà có thêm các hội đoàn khác như Hội Kèn đồng, Hội An táng.

Tóm lại, mỗi thành viên trong giáo xứ đều phải tham gia ít nhất là một tổ chức xã hội dù họ muốn hay không thì họ cũng nghiêm nhiên trở thành thành viên của một hội đoàn bất kì trong giáo xứ. Ngoài ra, với sự đa dạng của các hội đoàn, họ còn có thể là thành viên của các hội đoàn khác nếu họ muốn tham gia. Với cách thức tổ chức giáo xứ Công giáo như hiện tại, mỗi người giáo dân phải tham gia ít nhất một đoàn thể hay một hiệp hội của Công giáo trong cộng đồng. Khi trở thành thành viên của tổ chức nào đó, sợi dây liên kết giữa người với người càng chặt chẽ hơn. Đó cũng chính là động lực thúc đẩy tinh thần cộng đồng trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa mà tổ tiên họ lưu giữ, truyền lại

cho họ đến ngày nay. Chính điều này cho chúng ta thấy yếu tố tôn giáo giống như chất keo gắn kết các thành viên trong cộng đồng, qua việc tái cấu trúc cộng đồng xã truyền thống trong kí ức. Cơ cấu tổ chức các giáo xứ cộng đồng Công giáo di cư là tổ chức, đoàn thể có tính chất Công giáo nhưng thực chất là nó vận hành theo mô hình tự trị của cộng đồng làng xã truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ./.

#### Tài liệu tham khảo

1. Võ Tự Do, *Công cuộc phát triển cộng đồng tại Hố Nai*, Luận văn tốt nghiệp trường Quốc gia hành chính, 1974.
2. Nguyễn Đức Lộc, *Cộng đồng cư dân Công giáo Hố Nai - Đông Nai*, Khóa luận tốt nghiệp đại học, ngành Nhân học, 2003.
3. Nguyễn Đức Lộc, *Tìm hiểu đời sống văn hóa cộng đồng người Việt Công giáo Hố Nai - Đông Nai*, Luận văn thạc sỹ, ngành Dân tộc học, 2007.
4. Nguyễn Phú Lợi, *Cơ cấu tổ chức xã hội - tôn giáo trong một số làng Thiên Chúa giáo ở Kim Sơn, Ninh Bình nửa sau thế kỉ XIX đến nửa sau thế kỉ XX*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 2 (303), 1999.
5. Nguyễn Phú Lợi, *Vài nét về tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở nước ta từ đầu những năm 90 thế kỉ XX đến nay*, trong *Một số vấn đề nghiên cứu Công giáo*, PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), Nxb. Từ Điển Bách Khoa, 2008, tr. 41 - 66.